

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và bà Hoàng Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện lương sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ch; sinh năm 1967; trú tại: Xóm CS, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn B; sinh năm 1968; trú tại: Xóm CS, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn bà Bùi Thị Ch trình bày: Bà và ông Hoàng Văn B kết hôn năm 1987 tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống ông Biểu không quan tâm đến gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác, rượu chè, chửi bới, đay nghiến vợ, vợ chồng sống không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng bà sống ly thân. Nay bà không còn tình cảm với ông Ch, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng không thể chung sống với ông B được nữa nên bà đề nghị được ly hôn với ông Hoàng Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Thị Ng, sinh ngày 12/9/1988 và Hoàng Thị Ng, sinh ngày 29/12/1989. Các con đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và phiên toà ông Hoàng Văn B trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là năm 2023 bà Ch nghi ngờ ông có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất hoà. Nay bà Ch xin ly hôn, ông vẫn còn tình cảm với bà Ch nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Thị Ng, sinh ngày 12/9/1988 và Hoàng Thị Ng, sinh ngày 29/12/1989. Các con đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết ngày 16/01/2024 ông Biều đề nghị giải quyết chia tài sản chung vợ chồng gồm: Nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, 03 xe máy, 01 máy cắt cây, 04 con trâu, 4.700m² đất có tổng giá trị 1.073.000.00đ, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã thông báo cho ông B nộp tạm ứng án phí, song hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông B không nộp tạm ứng án phí.

Về nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết.

Quá trình giải quyết Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/02/2024 có nội dung bà Ch và ông B thuận tình ly hôn, về con chung không đề nghị Tòa giải quyết, về tài sản chung và công nợ chung ông B và bà Ch tự thỏa thuận.

Ngày 27/02/2024 ông B có đơn đề nghị hủy nội dung thỏa thuận với lý do chưa đồng ý ly hôn với bà Ch và không thể tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng do chưa xác định được tài sản chung vợ chồng.

Tại biên bản xác minh của chính quyền địa phương thôn CS, xã NT, huyện LS cho biết: Bà Ch và ông B là vợ chồng và sinh sống tại thôn CS, xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Mâu thuẫn vợ chồng bà Ch và ông B như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Bà Ch và ông B có hai con gái đã trưởng thành. Nay bà Ch có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông B đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Thị N là con gái của bà Ch ông B đều xác nhận mâu thuẫn của bố mẹ các chị là do bố chị (ông B) có quan hệ với người phụ nữ khác, không có lập trường thường xuyên về gây sự với gia đình, trong suốt thời gian chung sống bố mẹ các chị không có hạnh phúc. Nay bà Ch làm đơn xin ly hôn với ông B, các chị đều đồng ý với quan điểm của bà Ch.

Tại phiên tòa: Bà Bùi Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Hoàng Văn B, ông B không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ch:

Xử: Cho bà Bùi Thị Ch được ly hôn ông Hoàng Văn B

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Tòa nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Ch và bị đơn ông Hoàng Văn B cư trú tại xã NT, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, do đó việc Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn thụ lý đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn của bà Ch với ông Biếu là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ch và bị đơn Hoàng Văn B thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Ch với ông Hoàng Văn B:

Bà Ch, ông B đều thừa nhận vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 1987, do vậy việc kết hôn giữa bà Ch và ông B là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn bà Ch, ông B sống chung với mẹ đẻ bà Chiến. Quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông B thường xuyên uống rượu say, chửi bới bà Ch, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng bà Ch, ông B đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Ông Biều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do bà Ch có nghi ngờ ông B có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng ông B không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhưng không có kết quả, bà Ch không thay đổi quan điểm giải quyết và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ông B xin đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp khắc phục cải thiện mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, kết quả hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, phát biểu của Kiểm sát viên. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Ch, ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Ch, xử cho bà Bùi Thị Ch được ly hôn ông Hoàng Văn B là phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Thị Ng, sinh ngày 12/9/1988 và Hoàng Thị N, sinh ngày 29/12/1989. Chị Ng, chị N đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Quá trình giải quyết ông B có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án đã Thông báo nộp tạm ứng án phí nhưng ông B không nộp tạm ứng án phí do vậy đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của ông B. Ông B có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Bùi Thị Ch phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ch. Xử cho bà Bùi Thị Ch được ly hôn ông Hoàng Văn B.

3. Về con chung: Hai con đã trưởng thành không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Hoàng Văn B. Ông Hoàng Văn B có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ch phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001052 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

7. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Ch và ông Hoàng Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/4/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Công TTĐTTAND;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Mai

